

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3510/TTr-STC ngày 29 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2017, thay thế Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (để kiểm tra);
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Website tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Đồng Khởi;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- N/c TCĐT;
- Lưu: VT.



www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, gồm có:

- a) Phân đạm urê; phân NPK;
- b) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
- c) Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- d) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- đ) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
- e) Thóc, gạo tẻ thường;
- g) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Trong đó, các mặt hàng cụ thể về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đường, thóc, gạo; sữa, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh thực hiện theo hướng dẫn chi tiết của các Bộ, ngành Trung ương.

2. Thực hiện các biện pháp bình ổn giá:

a) Trường hợp xảy ra thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ trên địa bàn tỉnh:

- Sở Tài chính, Sở Công thương, các sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá, báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý;

- Khi giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý, Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Công thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cùng các cơ quan liên quan thực hiện:

+ Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố theo thẩm quyền các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

+ Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Trường hợp hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá có biến động bất thường và Chính phủ đã có quyết định biện pháp bình ổn giá, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì cùng các cơ quan liên quan thực hiện:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định.

3. Thực hiện đăng ký giá để bình ổn giá:

a) Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hoá, dịch vụ thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

b) Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Công thương chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy trình quy định tại Điều 6 Thông tư 56/2014/TT-BTC.

c) Sở Tài chính chủ trì cùng các sở quản lý ngành và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh mục các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đăng ký giá.

Điều 4. Hàng hoá, dịch vụ do địa phương định giá

1. Phân công trách nhiệm xây dựng phương án giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá, sau khi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, Hội đồng thẩm định giá.

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

2. Phân công trách nhiệm xây dựng phương án giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, Hội đồng thẩm định giá:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Bảng giá các loại đất (05 năm một lần), giá đất cụ thể đối với diện tích thu tiền sử dụng đất các thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên; hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất, dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

b) Sở Xây dựng: Giá nhà ở, vật kiến trúc xây dựng mới; giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định pháp luật về nhà ở; giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; giá cây xanh công trình đô thị; giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Giá các loại cây trồng để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

- Giá trồng rừng, sản phẩm khai thác từ rừng, dịch vụ có sử dụng rừng do nhà nước làm chủ sở hữu.

d) Sở Giao thông và vận tải: Dịch vụ sử dụng đò, phà; mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

đ) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Công thương và UBND các địa phương: Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe.

e) Giá sản phẩm dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hoá, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

g) Giá hàng hoá, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng quy định tỷ lệ tính tiền thuê đất, thuê mặt nước; giá đất cụ thể đối với diện tích thu tiền sử dụng đất các thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị dưới 20 tỷ đồng; hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP; giá nước sạch nông thôn và đô thị.

4. Quy trình phối hợp thực hiện của các cơ quan Nhà nước trong việc trình, thẩm định và quyết định giá được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, cụ thể:

a) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập Hồ sơ phương án giá theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan; tổng hợp, hoàn chỉnh phương án giá gửi về Sở Tài chính, Hội đồng thẩm định giá đề nghị thẩm định;

b) Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá, Sở Tài chính phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá;

c) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, Hội đồng thẩm định giá gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định giá. Trong thời hạn tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giá.

Điều 5. Kê khai giá

1. Hàng hoá, dịch vụ phải kê khai giá bao gồm:

a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;

d) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

đ) Giá dịch vụ tại cảng biển;

e) Sách giáo khoa;

g) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

h) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

i) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

k) Hàng hoá, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Sở Tài chính và các sở quản lý ngành có trách nhiệm thực hiện:

a) Sở Tài chính căn cứ tình hình thực tế của địa phương tại từng thời điểm đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung danh mục hàng hoá, dịch vụ phải kê khai giá cho phù hợp;

b) Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh mục các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá;

c) Sở Tài chính và các sở quản lý ngành tổ chức tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

Điều 6. Niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;

b) Đối với hàng hoá, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá: Thực hiện theo Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm định giá của nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thẩm định giá mua sắm các loại tài sản, hàng hoá và dịch vụ lắp đặt sửa chữa (cho một lần cùng một loại tài sản) và thẩm định giá sửa chữa các phương tiện vận chuyển như ô tô, tàu, thuyền và các phương tiện vận chuyển khác (cho 1 lần sửa/1 chiếc) từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp do các cơ quan ngành tỉnh quản lý, thanh toán hoặc kinh phí Trung ương uỷ quyền, kinh phí ngành dọc có giá trị từ 20.000.000đồng đến không quá 100.000.000đồng. Đối với thẩm định giá sửa chữa các phương tiện vận chuyển thì thẩm định giá trần để tổ chức đấu thầu sửa chữa nếu giá trị sửa chữa trên 100.000.000đồng trở lên (cho 1 lần sửa/1 chiếc). Việc xác định mức độ hư hỏng của phương tiện vận chuyển để thực hiện sửa chữa do cơ quan quản lý sử dụng phương tiện xác định;

b) Tham gia phối hợp với các ngành chức năng định giá khởi điểm các loại tài sản không cần dùng phải xử lý, thanh lý hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước (nếu có yêu cầu) thuộc tỉnh quản lý có giá trị ban đầu 1 loại tài sản từ 20 triệu đồng trở lên; định giá tài sản, hàng hoá tịch thu sung quỹ nhà nước và các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Thẩm định hoặc uỷ quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thẩm định giá mua sắm các loại tài sản, hàng hoá, dịch vụ lắp đặt sửa chữa (cho một lần cùng một loại tài sản) và thẩm định giá sửa chữa các phương tiện vận chuyển như ô tô, tàu, thuyền và các phương tiện vận chuyển khác (cho 1 lần sửa/1 chiếc) từ nguồn vốn ngân sách huyện, thành phố có giá trị từ 10.000.000 đồng đến không quá 100.000.000đồng. Đối với thẩm định giá sửa chữa các phương tiện vận chuyển thì thẩm định giá để tổ chức đấu thầu sửa chữa nếu giá trị sửa chữa trên 100.000.000đồng trở lên (cho 1 lần sửa/1 chiếc). Việc xác định mức độ hư hỏng của phương tiện vận chuyển để thực hiện sửa chữa do cơ quan quản lý sử dụng phương tiện xác định;

b) Tham gia hoặc uỷ quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố tham gia Hội đồng định giá khởi điểm các loại tài sản không sử dụng phải xử lý, thanh lý hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước (nếu có yêu cầu) thuộc huyện, thành phố quản lý; Hội đồng định giá tài sản, hàng hoá tịch thu sung quỹ nhà nước và các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì cùng các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định của pháp luật về giá;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này.

2. Trách nhiệm của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tham gia phối hợp cùng Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định của pháp luật về giá;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này; triển khai và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, biện pháp, quyết định về giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý ngành và địa bàn quản lý.

3. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Văn Trọng